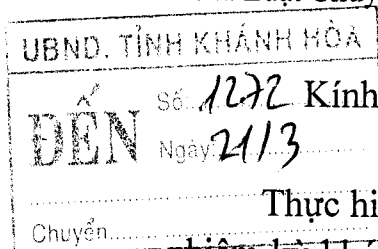


BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 893 /BKHCN-ĐTĐG

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016

V/v góp ý dự thảo
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Chuyển giao công nghệ



Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016 của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006 trên cơ sở thực trạng triển khai thi hành Luật và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật của các cơ quan liên quan.

Để hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Luật nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ xin gửi tới Quý cơ quan dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006 để Quý cơ quan nghiên cứu và góp ý kiến.

Rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý cơ quan vào **trước ngày 25 tháng 3 năm 2016** để Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Luật, gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định và trình Chính phủ đúng thời hạn.

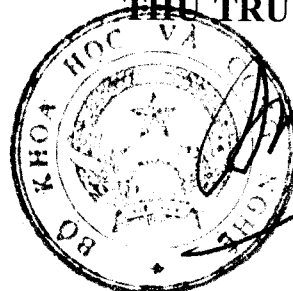
Văn bản góp ý xin gửi về Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, 113 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Người liên hệ: Ông Đặng Quốc Huy, điện thoại cơ quan: 0435560703; Di động: 0985200545; email: dqhuy@most.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ ĐTĐG.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Chu Ngọc Anh

Dự thảo

**LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chuyển giao công nghệ số /2016/QH14.

Điều 1

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

1. Sửa đổi các khoản 3, 7, 9, 10, 20 và bổ sung các khoản 22, 23, 24, 25 Điều 3 như sau:

“3. Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.”

“7. Chợ công nghệ, hội chợ công nghệ, triển lãm công nghệ, hoạt động kết nối cung cầu công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ là nơi trưng bày, giới thiệu, mua bán công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ và cung cấp các dịch vụ khác về chuyển giao công nghệ.”

“9. Chuyển giao công nghệ tại Việt Nam là việc chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam, bao gồm cả việc ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ vào sản xuất”.

“10. Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam là việc tổ chức, cá nhân hoạt động ở nước ngoài chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam thông qua các hình thức việc mua bán công

nghe, chuyển giao công nghệ trong các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (trừ chuyển dịch công nghệ).

“20. Ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ là hoạt động hỗ trợ tổ chức, cá nhân hoàn thiện công nghệ, sử dụng công nghệ mới, huy động vốn đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh, tiếp thị, thực hiện thủ tục pháp lý và các dịch vụ cần thiết khác để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.”

22. Giải mã công nghệ (reverse engineering) là quá trình khám phá những nguyên lý công nghệ của một thiết bị, đối tượng, hoặc hệ thống thông qua nghiên cứu, phân tích cấu trúc, chức năng và hoạt động của chúng nhằm khai thác, cải tiến hoặc tạo ra thiết bị, đối tượng hoặc hệ thống mới có chức năng tương đương hoặc cao hơn so với nguyên bản.

23. Hoạt động đổi mới công nghệ bao gồm các bước thực hiện về nghiên cứu và phát triển; áp dụng, tích hợp công nghệ, các giải pháp, quy trình về tổ chức, tài chính, kinh doanh, thương mại nhằm tạo ra một quy trình hoặc sản phẩm mới được cải tiến về tính năng, chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh trên thị trường.

24. Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ là tổ chức có hoạt động gồm: ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đánh giá công nghệ, định giá công nghệ, giám định công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, môi giới chuyển giao công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ, giải mã công nghệ, hoàn thiện công nghệ, giao dịch công nghệ, khai thác sáng chế; giới thiệu, trình diễn, triển lãm, kết nối cung cầu công nghệ và các hoạt động khác liên quan đến thị trường khoa học và công nghệ.

25. Thương mại hóa công nghệ là việc tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động gồm chuyển giao công nghệ, liên doanh liên kết, thành lập doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động phù hợp khác để đưa công nghệ vào ứng dụng, sản xuất, kinh doanh trên thị trường.”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Ưu tiên phát triển công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, có chính sách hỗ trợ đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp đi đầu trong ứng dụng và đổi mới công nghệ; phát triển nguồn nhân lực công nghệ đồng bộ với đầu tư đổi mới công nghệ.”

3. Bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7 như sau:

“Điều 7a. Chuyển giao công nghệ tại Việt Nam

1. Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam

a) Công nghệ chuyển giao dưới dạng góp vốn thành lập doanh nghiệp liên doanh hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư.

b) Công nghệ chuyển giao từ một bên thứ ba ở nước ngoài cho doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư tại Việt Nam.

Công nghệ di chuyển từ Tập đoàn hoặc các doanh nghiệp trong tập đoàn cho doanh nghiệp 100% vốn của Tập đoàn tại Việt Nam không được coi là chuyển giao công nghệ.

c) Tổ chức, cá nhân Việt Nam mua công nghệ của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

2. Chuyển giao công nghệ trong nước

a) Chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân Việt Nam.

b) Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất.

Đối với việc chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và Luật Khoa học và Công nghệ.

3. Chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài

a) Chuyển giao công nghệ của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam cho tổ chức, cá nhân hoạt động ở nước ngoài.

b) Chuyển giao kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam cho tổ chức, cá nhân hoạt động ở nước ngoài.

Đối với công nghệ được tạo ra bằng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước khi chuyển giao ra nước ngoài phải tuân thủ các quy định của Luật này và Luật Khoa học và Công nghệ.

Chính phủ quy định cụ thể nội dung và phương thức chuyển giao công

nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài và chuyển giao công nghệ trong nước”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Công nghệ chuyển giao có điều kiện

Công nghệ chuyển giao phải đáp ứng những điều kiện nhất định nhằm bảo đảm không ảnh hưởng đến:

1. Lợi ích quốc gia;
2. Sức khỏe con người;
3. Giá trị văn hóa dân tộc;
4. Đa dạng sinh học, môi trường;
5. Việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

5. Bổ sung vào sau Khoản 4 Điều 11 như sau:

“Việc nhập khẩu, chuyển giao và sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.”

6. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Phần chuyển giao công nghệ trong dự án hoặc hợp đồng sau đây:

- a) Dự án đầu tư;
- b) Hợp đồng nhượng quyền thương mại;
- c) Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp;
- d) Hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ;
- đ) Hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình (Hợp đồng EPC).”

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Lợi dụng hoạt động chuyển giao công nghệ gây phương hại đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.”

8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và bổ sung khoản 3 Điều 19 như sau:

“2. Đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện và Hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc diện phải đăng ký, chỉ có hiệu lực sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ”.

3. Việc xác lập quyền đối với công nghệ được chuyển giao đối với những hợp đồng thuộc diện cấp phép chuyển giao công nghệ và cấp đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ sẽ được tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép/giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ.”

9. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 23 như sau:

“4. Trong thời hạn sáu mươi ngày kể từ ngày hai bên ký kết chuyển giao công nghệ, một trong các bên ký kết hợp đồng phải gửi hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép chuyển giao công nghệ.”

10. Sửa đổi tên Điều 25, nội dung Khoản 1 và bổ sung Khoản 4 Điều 25 như sau:

“Điều 25. Đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Các bên tham gia giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, hợp đồng chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; hợp đồng chuyển giao công nghệ trong nước có giá trị hợp đồng từ 1 tỷ đồng trở lên và không thuộc Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện, đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ theo phân cấp của Chính phủ.

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ cấp là cơ sở để hạch toán chi phí và chuyển trả chi phí chuyển giao công nghệ cho bên giao công nghệ, đồng thời là cơ sở để hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.”

“4. Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký và đã thực hiện được trên một năm, hằng năm bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước) hoặc bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) có trách nhiệm lập báo cáo

thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ của năm trước gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các hợp đồng chuyển giao công nghệ của các tổ chức, cá nhân.”

11. Bổ sung Khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 28 như sau:

“3. Việc thành lập và hoạt động của tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ do Chính phủ quy định.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Phát triển thị trường công nghệ

1. Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thị trường công nghệ bằng các hình thức sau đây:

a) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thị trường công nghệ, bao gồm chợ công nghệ, trình diễn công nghệ, triển lãm công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ, tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ trong các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ và các loại hình khác.

b) Thúc đẩy nhu cầu công nghệ và phát triển nguồn cung công nghệ; nhập khẩu công nghệ; giải mã và hoàn thiện công nghệ; công bố, phổ biến, trình diễn, giới thiệu công nghệ và tham gia chợ, hội chợ, triển lãm công nghệ trong nước và nước ngoài;

c) Phát triển các tổ chức trung gian thúc đẩy hoạt động thị trường công nghệ;

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện hoạt động đổi mới công nghệ và thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển thị trường công nghệ.”

13. Bổ sung khoản đ Điều 38 như sau:

“đ. Tạo cơ sở pháp lý ban đầu cho việc vay vốn thế chấp bằng công nghệ”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

“Điều 40. Chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước

1. Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có nghĩa vụ giám sát, đánh giá và lập báo cáo về tình hình chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có quyền yêu cầu tổ chức được giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước định kỳ báo cáo về tình hình chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ.

4. Chính phủ ban hành chính sách thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước.

5. Khuyến khích thành lập các Trung tâm chuyển giao công nghệ tại các Viện, Trường. Các Trung tâm chuyển giao công nghệ được hỗ trợ kinh phí để đăng ký bản quyền và các điều kiện cần thiết nhằm thương mại hóa kết quả nghiên cứu.”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

“Việc phân chia lợi nhuận thu được từ hoạt động chuyển giao công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“Tổ chức, cá nhân có quyền chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 8 của Luật này được quyền góp vốn bằng công nghệ vào dự án đầu tư. Trong trường hợp dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước thì giá trị công nghệ đưa vào góp vốn phải được định giá bởi một tổ chức định giá công nghệ độc lập.”

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau:

“Điều 45. Khuyến khích thúc đẩy hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp

Nhà nước có các biện pháp khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động ứng dụng, phát triển và đổi mới công nghệ thông qua các nội dung sau:

1. Hình thành hệ thống các cơ sở hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận, cải tiến và hoàn thiện công nghệ thông qua hoạt động giải mã, làm chủ công nghệ, chế tạo và thử nghiệm các sản phẩm mới dựa trên công nghệ.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, biện pháp hỗ trợ về tài chính cho các hoạt động đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

3. Triển khai áp dụng hệ thống đánh giá, định giá công nghệ trong doanh nghiệp phục vụ hoạt động hợp tác, chuyển giao công nghệ, bảo lãnh tín dụng công nghệ và bảo lãnh vay vốn các dự án công nghệ.

4. Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá trình độ công nghệ và năng lực công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và quản trị công nghệ.”

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 48 như sau:

“Điều 48. Trách nhiệm của cơ quan đại diện ngoại giao, đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài đối với hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm tìm kiếm, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xúc tiến chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài.

2. Chính phủ quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan đại diện ngoại giao, đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài đối với hoạt động chuyển giao công nghệ.”

19. Sửa đổi Khoản 4 và bổ sung Khoản 7 Điều 51 như sau:

“4. Quy định cụ thể nội dung, phương thức chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài, từ nước ngoài vào Việt Nam. Phân công,

phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động chuyển giao công nghệ”.

“7. Chỉ đạo triển khai theo định kỳ Chương trình đánh giá trình độ công nghệ và năng lực công nghệ quốc gia đối với các ngành công nghiệp trọng điểm, làm cơ sở xây dựng các chương trình khoa học và công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ và chiến lược nhập khẩu công nghệ.”

20. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3, 4 và bổ sung khoản 7a vào sau khoản 7 Điều 52 như sau:

“2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng chiến lược, kế hoạch, biện pháp, cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động nhập khẩu công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trình Chính phủ ban hành;

3. Xây dựng Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện, Danh mục công nghệ cấm chuyển giao trình Thủ tướng Chính phủ ban hành;

4. Cấp, thu hồi Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ.”

7a. Tổ chức thẩm định công nghệ đối với các dự án đầu tư sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện.

21. Trong Luật chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11, cụm từ “Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao” được thay bằng cụm từ “Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện”; cụm từ “doanh nghiệp công nghệ” được thay bằng cụm từ “doanh nghiệp khoa học và công nghệ”.

22. Bãi bỏ Khoản 3 Điều 8, các điều 32, 33 và 44 và Khoản 5 Điều 51 của Luật chuyển giao công nghệ số 80/2006/QH11.

Điều 2

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

2. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
khoá....., kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm.....*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Số: /TT-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ
Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ

Thực hiện Chương trình của Quốc hội nhiệm kỳ số XIII về xây dựng luật, pháp lệnh, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. Bộ Khoa học và Công nghệ xin trình Chính phủ Dự án Luật này như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT

Luật Chuyển giao công nghệ đã được thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XI ngày 29 tháng 11 năm 2007 và đến ngày 01 tháng 7 năm 2007, Luật Chuyển giao công nghệ đã chính thức có hiệu lực. Đây là văn bản pháp quy có hiệu lực pháp lý cao nhất từ trước đến nay, quy định thống nhất về hoạt động chuyển giao công nghệ trên lãnh thổ Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài vào Việt Nam.

Để cụ thể hóa các quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, từ năm 2007 đến nay, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ ban hành và ban hành 10 văn bản quy phạm pháp luật nhằm quy định và hướng dẫn hoạt động chuyển giao công nghệ trên phạm vi toàn quốc. Trong quá trình thực thi Luật chuyển giao công nghệ, chúng ta đã thu được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, Luật CGCN năm 2006 cũng bộc lộ những vấn đề không còn phù hợp với thực tế, cụ thể là:

Thứ nhất, Luật CGCN 2006 chú trọng đến chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam nhưng kết quả còn rất hạn chế. Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước vẫn xác định nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài vẫn phải là nguồn cung công nghệ chủ yếu của Việt Nam. Tuy nhiên, thời gian qua, công nghệ cao, công nghệ hiện đại chuyển giao vào Việt Nam với số lượng rất ít, chủ yếu là công nghệ thông thường, thậm chí còn có những công nghệ lạc hậu. Lan